**Mẫu 1**

11/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội., ngày 31 tháng 10 năm 2018*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

***1. Tên nhiệm vụ, mã số:***

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý các khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam

Mã số nhiệm vụ:ĐTĐLXH.20/15

Thuộc: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia

***2. Mục tiêu nhiệm vụ***:

Mục tiêu chung:

Xây dựng được bộ tiêu chí và quy trình giám sát khoa học, hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam nhằm phục vụ quản lý bền vững các khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được bộ tiêu chí và quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý các khu dự trữ sinh quyển một cách khoa học, hiện đại.

- Đánh giá thử nghiệm thành công bộ tiêu chí và quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý tại Khu Dự trữ Sinh quyển Quần đảo Cát Bà.

***3. Chủ nhiệm nhiệm vụ***: TS. Võ Thanh Sơn

***4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ***: Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

***5. Tổng kinh phí thực hiện***: 4.350 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.350 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

***6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng***: 36 tháng

Bắt đầu: Tháng 11 năm 2015

Kết thúc: Tháng 10 năm 2018

***7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức danh  khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Võ Thanh Sơn | TS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 2 | Trần Thu Phương | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 3 | Nguyễn Danh Sơn | PGS.TS. | Học viện Khoa học Xã hội |
| 4 | Võ Thanh Giang | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 5 | Hoàng Văn Thắng | TS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 6 | Vương Xuân Tình | PGS.TS. | Viện Dân tộc học |
| 7 | Trần Yêm | PGS.TS. | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 8 | Đào Châu Thu | PGS.TS. | Hội Khoa học Đất |
| 9 | Phạm Trung Lương | PGS.TS. | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 19 | Phạm Văn Thương | ThS. | Vườn quốc gia Cát Bà |
| 11 | Vũ Thục Hiền | ThS. | Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 12 | Đặng Thị Tú Loan | CN. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 13 | Hồ Thanh Hải | PGS.TS. | Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật |
| 14 | Đào Minh Trường | TS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 15 | Lê Thị Vân Huệ | TS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 16 | Hàn Tuyết Mai | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 17 | Nguyễn Hoàng Trí | GS.TS. | Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 18 | Lê Trọng Toán | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 19 | Đặng Anh Tuấn | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 20 | Bùi Thị Hà Ly | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 21 | Phạm Việt Hùng | ThS. | Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 22 | Lê Thanh Tuyên | ThS. | Khu Dự trữ Sinh quyển Quần đảo Cát Bà |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

***1. Về sản phẩm khoa học:***

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Báo cáo tổng kết |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Bộ tiêu chígiám sát, đánh giá hiệu quả quản lý các KDTSQ của Việt Nam |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Quy trình giám sát, giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý các KDTSQ của Việt Nam |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Báo cáo đánh giá thử nghiệm bộ tiêu chí và quy trình tại KDTSQ Quần đảo Cát Bà |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | 02 bài báo khoa học có nội dung liên quan đến đề tài được đăng trên các tạp chí |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 6 | 02 báo cáo tham gia hội thảo trong nước và quốc tế |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 7 | Hỗ trợ 02 học viên cao học làm luận văn thạc sĩ |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

***2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:***

Đề tài đã xây dựng được Bộ tiêu chí và Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý các khu dự trữ sinh quyển có giá trị khoa học cao và phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam. Đây là bộ tiêu chí đầu tiên về giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý các khu dự trữ sinh quyển không chỉ của Việt Nam và cả trên thế giới.

Bộ tiêu chí đã kết hợp một cách phù hợp và hiệu quả giữa lý thuyết và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đóng góp vào việc việc phát triển lý thuyết và lý luận về khu dự trữ sinh quyển, đồng thời bộ tiêu chí còn có tính khả thi cao với đặc thù khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam.

Bộ tiêu chí và quy trình là cơ sở để nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đánh giá nhằm hướng tới quản lý bền vững các khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam.

***3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:***

3.1. Hiệu quả kinh tế

Đề tài đã thực hiện các nội dung bám sát hợp đồng đã ký, đúng tiến độ được phê duyệt, không phát sinh so với ngân sách được duyệt.

Một trong những đối tượng sử dụng và đề tài hướng tới chính là các Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển. Với việc tự đánh giá dựa trên các tiêu chí và chỉ số của Bộ tiêu chí, việc tự đánh giá giúp cho các khu dự trữ sinh quyển tiết kiệm được thời gian và kinh phí.

3.2. Hiệu quả xã hội

Bộ tiêu chí được xem là công cụ để Ban quản lý các khu dự trữ sinh quyển và các bên liên quan cùng làm việc, các bên liên quan tự đánh giá, tự xác định vai trò của mình trong công tác quản lý khu dự trữ sinh quyển.

Bộ tiêu chí cũng là công cụ cập nhật thông tin, hệ thống chính sách của các khu dự trữ sinh quyển.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

***1. Về tiến độ thực hiện:*** *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

***2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ***:

*- Xuất sắc*

*- Đạt*

*- Không đạt*

Giải thích lý do:

Đề tài đáp ứng đầy đủ về số lượng, khối lượng và chất lượng theo Thuyết minh nhiệm vụ và Hợp đồng.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  (*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |
|  |  |
| **TS. Võ Thanh Sơn** | **Hoàng Văn Thắng** |